

Bản án số: 112/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 – 5 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Kim C; Sinh năm 1976; Cư trú tại: ấp T Đ A, xã T Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Thành T; Sinh năm 1972; Cư trú tại: ấp T Đ A, xã T Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án bà C trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà kết hôn với ông T vào năm 1997, không đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 20 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, mặc dù được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không thể tiếp tục chung sống, ly thân nhau từ tháng 06/2022. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có các con chung tên Trịnh Trung Kiên, sinh năm 1997; Trịnh Yến Linh, sinh năm 1999; Trịnh Nhã Linh, sinh năm 2003 và Trịnh Ngọc Linh, sinh năm 2011. Hiện cháu Trung Kiên, Yến Linh, Nhã Linh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Ngọc Linh đang sinh sống với mẹ. Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Linh, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với ông Trịnh Thành T:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T biết về yêu cầu khởi kiện của bà C nhưng ông T không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Huỳnh Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trịnh Thành T đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà C và ông T kết hôn năm 1997, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà C xác định vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không hòa hợp về cách sống. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù mâu thuẫn giữa ông, bà là thực tế có xảy ra đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được thể hiện việc ông bà ly thân nhau từ tháng 6/2022 nhưng không có biện pháp hàn gắn tiếp tục chung sống, ông T cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì. Nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối Cếu với quy định trên, không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay ông, bà có đồng ý ly hôn với nhau không mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp.

[3] Về con chung: Khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đối với cháu Trịnh Trung Kiên, Trịnh Yến Linh, Trịnh Nhã Linh đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với cháu Trịnh Ngọc Linh, bà C có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, đồng thời cháu Linh cũng có nguyện vọng được sống cùng bà C. Mặt khác, ông T cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì đối. Do đó, nhằm đảm bảo cho sự phát triển ổn định và tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Trịnh Ngọc Linh cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà C xác định tự thỏa thuận với ông T, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về các vấn đề khác: Bà C xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2, 3 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Kim C và ông Trịnh Thành T.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Ngọc Linh, sinh năm 19/02/2011 cho bà Huỳnh Kim C trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Ông Trịnh Thành T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Kim C phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013920 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự huyện Đ D (đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc

